

Số: 802 /TTMS-NVD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022

THƯ CHẤP THUẬN
HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO THỎA THUẬN KHUNG

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thông báo Bên mời thầu đã chấp thuận Hồ sơ đề xuất của nhà thầu cung cấp một số thuốc biệt dược gốc đã đàm phán thành công với giá trúng thầu đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 nêu trên và trao Thỏa thuận khung cho Quý nhà thầu để thực hiện cung cấp một số thuốc Biệt dược gốc thuộc Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.04.2021) cụ thể như sau: 01 mặt hàng với tổng giá trị **443.633.774.892 đồng** (Bằng chữ: *Bốn trăm bốn mươi ba tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng*).

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: Từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 11/01/2025.

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày ký đến hết ngày 11/01/2025.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia đề nghị nhà thầu thực hiện một số nội dung sau:

1. Chấp thuận điều chỉnh số lượng thuốc trúng thầu theo đề nghị của Bệnh viện Bạch Mai theo quy định tại Mục 20 Chương I Chỉ dẫn nhà thầu của Hồ sơ yêu cầu về việc thay đổi số lượng thuốc vào thời điểm trao Thỏa thuận khung (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

2. Thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 24 Chương VII - Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ yêu cầu đối với các cơ sở y tế tại Bảng 4, Phần 4 Phụ Lục - Danh sách, số lượng yêu cầu cung ứng các thuốc

Biệt được gốc trúng thầu cho từng cơ sở y tế của Hồ sơ yêu cầu và cập nhật số lượng điều chỉnh thuốc cung cấp cho Bệnh viện Bạch Mai nêu trên với tổng số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng không thấp hơn **13.342.097.067 đồng** (Bằng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi bảy đồng).

- Thời gian hiệu lực bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 11/02/2025.

3. Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trước ngày 10/01/2023 tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Bộ Y tế, số 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội (chi tiết tại Phụ lục III và dự thảo Thỏa thuận khung kèm theo).

4. Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia đề nghị Nhà thầu có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung, điều chỉnh số lượng thuốc cung cấp và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu. Bên mời thầu sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày 10/01/2023 mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NVD.


GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Dũng

(Kèm theo Thư chấp thuận và trao Thỏa thuận khung số 80/LTTMS-NVD ngày 28/12/2022 của

Trung tâm Mua sắm tập trung thuộc Quốc gia)

Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT, VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)
1	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	QLSP-1034-17	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	24	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml	Novo Nordisk Production S.A.S, Pháp	Bút tiêm	200.508	2.212.549	443.633.774.892
TỔNG CỘNG: 01 khoản (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi ba tỷ, sáu trăm ba triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng)													443.633.774.892

PHỤ LỤC II: DANH SÁCH, SỐ LƯỢNG YÊU CẦU CUNG ỨNG
CÁC THUỐC BIẾT DƯỢC GỐC CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CỐ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Thư chấp thuận và trao Thỏa thuận khung số 82/TTMS-NVD ngày 28/12/2022 của
Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biết dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

TT	STT tại Bảng 4 HSYC	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tại Bảng 4 HSYC	Số lượng điều chỉnh	Số lượng sau điều chỉnh	Mã CSYT	Tên CSYT đề nghị điều chỉnh	Đơn vị quản lý	Miền
1	1170	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	5.500	+5.500	11.000	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc

PHỤ LỤC III: DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU ĐỀ NGHỊ KÝ KẾT THỎA THUẬN KHUNG
(Kèm theo Thư chấp thuận và trao Thỏa thuận khung số 802/TTMS-NYD ngày 28/12/2022 của
Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào ché	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị	Đơn giá (có VAT, VNĐ)	Số lượng tại Bảng 1 Hồ sơ yêu cầu	Số lượng điều chỉnh (Tỷ lệ điều chỉnh)	Số lượng đề nghị kết thỏa thuận khung	Thành tiền (VNĐ)
1	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg), 100U/ 1ml	QLSP- 1034-17	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	24	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml	Novo Nordisk Production S.A.S, Pháp	Bút tiêm	200.508	2.212.549	+5.500 (0,25%)	2.218.049	444.736.568.892
Tổng cộng: 01 khoản (Bảng chữ: Bốn trăm bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng)														444.736.568.892

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023

THỎẢ THUẬN KHUNG

Số: 02 /2023/TTK-ĐPG

Về việc cung cấp một số thuốc Biệt dược gốc thuộc Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.04.2021)

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định số 4250/QĐ-BYT ngày 04/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3);

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TTMS ngày 12/9/2021 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;



Căn cứ Quyết định 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 802/TTMS-NVD ngày 28/12/2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ công văn số 34-2023CV/HPC-KDXNK ngày 09/01/2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội về việc phúc đáp thư chấp thuận HSDX và trao TTK số 802/TTMS-NVD - ĐPG.BDG.04.2021;

Hôm nay, ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia
- Đại diện: Ông Lê Thanh Dũng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 62732339

II. Nhà thầu cung cấp thuốc

- Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội
- Mã số thuế: 0100109699
- Đại diện: Ông Đinh Văn Đông
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Số 2 phố Hàng Bài, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024 71065222

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu các Gói thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc Danh mục áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 như sau:

1. Phạm vi cung cấp:

- Phạm vi cung cấp là một số mặt hàng thuốc trúng thầu Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.04.2021) theo số lượng của từng mặt hàng phân bổ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc tại Quyết định 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

(chi tiết thông tin thuốc trúng thầu và phạm vi cung cấp tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo).

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu ký hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế trên toàn quốc. Phân công về việc ký kết hợp đồng và cung ứng thuốc theo địa bàn, cụ thể như sau:

+ Đối với các cơ sở y tế tại khu vực miền Bắc và miền Trung (từ Gia Lai, Bình Định trở ra các thành phố và các tỉnh phía Bắc), bao gồm các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Sơn La, Lạng Sơn, Hòa Bình, Quảng Ninh, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Kon Tum, Quảng Ngãi, Gia Lai, Bình Định: **Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội** thực hiện;

+ Đối với Các cơ sở y tế tại khu vực miền Nam (từ Phú Yên, Đắk Lắk trở vào các thành phố và các tỉnh phía Nam), bao gồm các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau: **Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội** thực hiện;

- Đối với các cơ sở y tế có sự thay đổi thông tin về tên và mã cơ sở khám, chữa bệnh được phê duyệt tại các Quyết định sau ngày ký Thỏa thuận khung này, thực hiện theo Quyết định của cơ quan ban hành.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt cho các cơ sở y tế kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 11/01/2025 theo quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; Nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của các cơ sở y tế theo danh mục đính kèm tại Phụ lục 2 và tại các văn bản chấp thuận điều tiết thuốc trúng thầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng:

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa:

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế.

TRU
M
TẬP T
JOC
10969
NG TY
PHAT
C PHA
T BI Y
A NOI
GEM-TP

Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và được Bộ Y tế phê duyệt. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế theo danh mục đính kèm tại Phụ lục 2 và tại các văn bản chấp thuận điều tiết thuốc trúng thầu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc ..., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà Nhà thầu đã đạt được.

3.2. Điều kiện thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với Nhà thầu thực hiện thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi Nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

- Đối với các cơ sở y tế tư nhân, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán sẽ theo thỏa thuận cụ thể giữa nhà thầu và cơ sở y tế trong hợp đồng.

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa:

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế không cao hơn giá trúng thầu đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định 3460/QĐ-BYT ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp 24 thuốc thuộc danh mục thuốc được

áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành:

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong điều kiện chung nêu tại Chương V và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI của Hồ sơ yêu cầu.

6. Trách nhiệm của Nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa:

- Trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký kết Thỏa thuận khung với Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Nhà thầu có trách nhiệm ký kết hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế theo Phạm vi cung ứng thuốc chi tiết tại Phụ lục 2 và gửi 01 bản sao chụp hợp đồng đã ký về hòm thư điện tử của Trung tâm theo địa chỉ ngniepvuduoc.ttms@gmail.com và ngniepvuduoc.ttms@moh.gov.vn.

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không cao hơn giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt. Đảm bảo duy trì lượng thuốc tồn kho tối thiểu để cung ứng cho các cơ sở y tế trên toàn quốc trung bình 01 tháng.

- Trên cơ sở số lượng tồn kho thực tế, Nhà thầu sẽ giao hàng tới các cơ sở y tế ngay khi hoàn thành ký kết hợp đồng cung ứng thuốc và nhận được đặt hàng từ các cơ sở y tế.

- Thực hiện cung ứng thuốc theo yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V, điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI trong Hồ sơ yêu cầu và nội dung cam kết của Nhà thầu được nêu tại Hồ sơ yêu cầu, hợp đồng đã ký giữa nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Thực hiện chế độ báo cáo cho Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về khả năng cung ứng và tình hình thực hiện hợp đồng, bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý theo quy trình báo cáo và điều tiết do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Trường hợp các cơ sở y tế có nhu cầu mua tăng thêm hoặc đã được Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế/Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia chấp nhận điều tiết các thuốc trúng thầu, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29 tháng 6 năm

2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3).

- Các thuốc đề nghị trúng thầu có giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực trước khi Thỏa thuận khung hết hiệu lực, Nhà thầu phối hợp với cơ sở đăng ký thuốc thực hiện theo quy định để thuốc tiếp tục được gia hạn số giấy đăng ký lưu hành hoặc phối hợp với nhà sản xuất có kế hoạch dự trữ tồn kho để bảo đảm cung ứng cho các cơ sở y tế trong suốt thời gian thực hiện Thỏa thuận khung.

- Các văn bản chấp thuận việc điều tiết các thuốc trúng thầu tại Phụ lục 1 và các văn bản thay thế thuốc trúng thầu trong quá trình thực hiện thỏa thuận khung do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và có giá trị áp dụng đối với các bên.

7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế:

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày ký cho đến hết ngày 11/01/2025.

- Thanh toán và thanh lý hợp đồng với Nhà thầu cung ứng thuốc theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh theo quy định.

- Báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu tại địa chỉ www.ttms.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành, cụ thể:

+ Trước ngày 10 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn gửi báo cáo tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán về Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng để tổng hợp, báo cáo Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

+ Trước ngày 15 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế báo cáo quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp

thuốc thuộc Danh mục thuốc áp dụng hình thức đàm phán giá gửi về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

+ Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

- Các cơ sở y tế bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung.

- Các cơ sở y tế thực hiện việc thanh toán cho nhà thầu theo đúng quy định được nêu trong điều kiện chung, điều kiện cụ thể của mẫu hợp đồng và tại mục 3.2 Thỏa thuận khung.

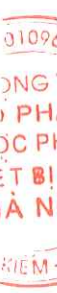
- Trường hợp các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn có nhu cầu sử dụng tăng thêm trên 20% số lượng được phân bổ trong Thỏa thuận khung, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu sử dụng tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong Thỏa thuận khung hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng nhưng chưa được phân bổ trong Thỏa thuận khung do chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch, việc mua tăng thêm số lượng thuốc và trách nhiệm của các cơ sở y tế thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc ban hành Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và danh mục Đàm phán giá (ban hành lần 3).

- Đối với các Hợp đồng đang thực hiện hoặc các gói thầu đã phát hành Hồ sơ mời thầu trước thời điểm công bố kết quả của các thuốc biệt dược gốc đã trúng thầu theo hình thức đàm phán giá năm 2021, cơ sở y tế phải thực hiện điều chỉnh giá thuốc không vượt mức giá đàm phán đã công bố, thời điểm áp dụng theo thời điểm thỏa thuận khung có hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Cơ sở y tế không tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp các thuốc biệt dược gốc nếu tại thời điểm phát hành Hồ sơ mời thầu đã có kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức đàm phán giá và Thỏa thuận khung được công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Các văn bản liên quan đến điều tiết số lượng các thuốc trúng thầu là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và có giá trị áp dụng đối với các bên.

- Các văn bản thay thế thuốc trúng thầu trong quá trình thực hiện thỏa thuận khung do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành là một bộ phận



8

không tách rời của Thỏa thuận khung này. Các điều khoản khác trong Thỏa thuận khung không thay đổi và vẫn có giá trị áp dụng đối với các bên.

8. Trách nhiệm của các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Y tế các bộ ngành:

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và Thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý theo Phụ lục 2 của Thỏa thuận khung.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.
- Trước ngày 15 tháng đầu tiên của mỗi quý hoặc đợt xuất theo yêu cầu, Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc trúng thầu của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn tại địa chỉ www.ttms.moh.gov.vn theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành.
- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành trên địa bàn với Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia để giải quyết.
- Phối hợp với Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trong việc điều tiết thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu của các cơ sở y tế để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung theo đúng quy định tại khoản 13, Điều 40 và khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và Danh mục Đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành.
- Thực hiện việc điều tiết đối với trường hợp cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn có nhu cầu sử dụng thuốc vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung nhưng bảo đảm không vượt quá 20% tổng số lượng được phân bổ trong thỏa thuận khung cho các đơn vị thuộc phạm vi cung cấp tại địa phương theo các bước hướng dẫn và quy định tại Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị tổng hợp nhu cầu và được phân bổ trong Thỏa thuận khung.



- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở y tế do địa phương quản lý, cơ sở y tế do Bộ, ngành quản lý trên địa bàn vượt quá khả năng điều tiết của Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương hoặc cơ sở y tế phát sinh nhu cầu sử dụng mặt hàng thuốc nhưng chưa tổng hợp nhu cầu khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/Sở Y tế các tỉnh, thành phố có trách nhiệm xem xét số lượng phát sinh nhu cầu của cơ sở y tế và có ý kiến bằng văn bản gửi Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia để điều tiết số lượng thuốc giữa các đơn vị theo Quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ban hành.

9. Trách nhiệm của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia:

- Trung tâm công khai Thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và thông báo bằng văn bản đến Sở Y tế các tỉnh, thành phố/Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/Y tế các Bộ, ngành và cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

- Phối hợp với Nhà thầu và các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại các cơ sở y tế (nếu có).

- Giám sát, quản lý tình hình cung ứng thuốc của Nhà thầu để đảm bảo việc cung ứng đầy đủ, kịp thời và đúng tiến độ theo quy định tại Thỏa thuận khung.

- Trách nhiệm tổng hợp báo cáo và điều tiết không vượt quá 30% tổng số lượng đã được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 13 Điều 40 và khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế và thực hiện theo quy trình tại Quyết định số 26/QĐ-TTMS ngày 29/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Hàng Quý, Trung tâm có công văn tổng hợp tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu đến các cơ sở y tế và đôn đốc các cơ sở y tế thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu để đảm bảo số lượng sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế.

- Xử lý vi phạm của Nhà thầu theo quy định đồng thời thông báo cho các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành, các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế trong trường hợp Nhà thầu không có khả năng cung cấp thuốc cho cơ sở y tế.

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện Thỏa thuận khung:

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với Nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: Kể từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 11/01/2025.

11. Xử phạt do vi phạm:

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC**

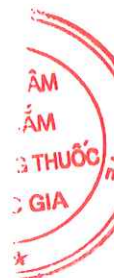


Đinh Văn Đông

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Dũng



PHỤ LỤC I: DANH MỤC TỔNG HỢP THUỐC TRÚNG THẦU CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ
(Kèm theo Thỏa thuận khung số 02 /2023/TTK-ĐPG ký ngày 09 /01 /2023 giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội)

Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021
(Mã hiệu: ĐPG.BDG.04.2021)

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng (tháng)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT, VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)
1	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	QLSP-1034-17	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	24	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn x 3ml (kèm theo 15 kim)	Novo Nordisk Production S.A.S, Pháp	Bút tiêm	200.508	2.218.049	444.736.568.892
TỔNG CỘNG: 01 khoản (Bảng chữ: Bốn trăm bốn mươi bốn tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng)													444.736.568.892



PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP THUỐC CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số **02** /2023/TTK-ĐPG ký ngày **09/01/2023** giữa Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia và Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021											
I	NovoMix 30 FlexPen										
1	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	166.000	33.284.328.000	01914	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	Bộ Y tế	Bắc
2	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	7.800	1.563.962.400	01925	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	Bộ Y tế	Bắc
3	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	11.000	2.205.588.000	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế	Bắc
4	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.600	721.828.800	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Bộ Y tế	Bắc
5	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.500	701.778.000	19010	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Bộ Y tế	Bắc
6	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	01047	Bệnh viện YHCT TW	Bộ Y tế	Bắc
7	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	01915	Bệnh viện Nhi Trung ương	Bộ Y tế	Bắc
8	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.600	320.812.800	31168	Bệnh viện Đại học y Hải Phòng	Bộ Y tế	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
9	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
10	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	01924	Bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương	Bộ Y tế	Bắc
11	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	01007	Bệnh viện E	Bộ Y tế	Bắc
12	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	240	48.121.920	31142	Viện Y học Biển Việt Nam	Bộ Y tế	Bắc
13	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	150	30.076.200	01920	Viện Huyết học - Truyền máu Trung Ương	Bộ Y tế	Bắc
14	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.820	765.940.560	19013	Bệnh viện C	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
15	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.013	403.622.604	19009	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
16	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	19019	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
17	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
18	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.330	266.675.640	19014	Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
19	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.320	264.670.560	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
20	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	859	172.236.372	19133	Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
21	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	24011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
22	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	859	172.236.372	24007	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
23	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	400	80.203.200	24006	Trung Tâm Y tế huyện Tân Yên	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
24	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	388	77.797.104	24009	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
25	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	858	172.035.864	06001	Bệnh viện đa khoa	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc
26	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.600	320.812.800	24014	Bệnh viện Quân y 110	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
27	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	27025	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
28	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.080	216.548.640	27157	Trung tâm y tế huyện Tiên Du	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
29	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	27152	Trung tâm y tế huyện Yên Phong	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
30	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	600	120.304.800	27001	Trung tâm y tế thành phố Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
31	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	160	32.081.280	27004	Trung tâm Y tế Thành phố Từ Sơn	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
32	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	10.000	2.005.080.000	04014	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
33	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.800	1.764.470.400	35001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Hà Nam	Bắc
34	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	16.100	3.228.178.800	01919	Bệnh viện Tim Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
35	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	15.000	3.007.620.000	01006	Bệnh viện Thanh Nhân	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
36	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.700	1.142.895.600	01031	Bệnh viện đa khoa Đồng Anh	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
37	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	01043	Bệnh viện 19-8, Bộ Công An	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
38	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	01819	Bệnh viện Quân Y 105	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
39	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
40	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	01029	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
41	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.200	641.625.600	01161	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
42	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.200	641.625.600	01828	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
43	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.387	478.612.596	01003	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
44	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.100	421.066.800	01010	Công ty cổ phần Bệnh viện giao thông vận tải	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
45	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	01831	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
46	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
47	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.550	310.787.400	01056	Bệnh viện đa khoa Hoà Nhài	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
48	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.320	264.670.560	01015	Bệnh viện Quân Y 354	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
49	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.250	250.635.000	01821	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
50	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.100	220.558.800	01062	Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công an	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
51	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	01824	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
52	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	790	158.401.320	01065	Bệnh viện Dệt May	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
53	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	720	144.365.760	01055	Bệnh viện Xây dựng	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
54	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	720	144.365.760	01018	Viện Y học Phòng không - Không quân	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
55	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	600	120.304.800	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
56	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	500	100.254.000	01823	Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
57	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	300	60.152.400	01830	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
58	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	240	48.121.920	01071	Bệnh viện Nam Thăng Long	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
59	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.400	882.235.200	30301	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
60	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.000	601.524.000	30013	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
61	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.013	403.622.604	30298	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
62	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.240	1.251.169.920	17001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hòa Bình	Sở Y Tế Hòa Bình	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
63	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.200	441.117.600	17014	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Sở Y Tế Hòa Bình	Bắc
64	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	504	101.056.032	17009	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	Sở Y Tế Hòa Bình	Bắc
65	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.500	501.270.000	33080	Trung tâm y tế huyện Yên Mỹ	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
66	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.600	320.812.800	33013	Trung tâm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
67	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
68	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	13.600	2.726.908.800	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
69	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	9.000	1.804.572.000	36025	Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
70	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.200	842.133.600	36047	Bệnh viện Nội tiết	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
71	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.200	641.625.600	36016	Trung tâm y tế huyện Nam Trực	Sở Y Tế Nam Định	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
72	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.013	403.622.604	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
73	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.300	260.660.400	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
74	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	36011	Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
75	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	240	48.121.920	36010	Trung tâm y tế huyện Mỹ Lộc	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
76	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	720	144.365.760	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
77	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	600	120.304.800	37101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
78	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	500	100.254.000	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
79	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	360	72.182.880	25329	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hùng Vương	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
80	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	600	120.304.800	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc



0969
IG TY
PHÁ
C PHÁ
BỊ Y
NỘ
EM-IT

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
81	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	250	50.127.000	22150	Bệnh viện Sản Nhi Tỉnh Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
82	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.820	765.940.560	14001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
83	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.120	1.628.124.960	34004	Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
84	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.400	481.219.200	34311	Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
85	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.013	403.622.604	34005	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
86	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	240	48.121.920	34314	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
87	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.900	781.981.200	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
88	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.998	400.614.984	10055	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
89	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	08101	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
90	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
91	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	26030	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
92	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.680	336.853.440	15101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
93	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	22.560	4.523.460.480	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
94	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.000	1.604.064.000	31006	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
95	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.400	481.219.200	31031	Bệnh viện Kiến An	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
96	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.560	312.792.480	31008	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
97	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	650	130.330.200	31016	Viện Y học Hải Quân	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
98	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	25.000	5.012.700.000	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Bộ Y tế	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
99	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	9.200	1.844.673.600	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới Quảng Bình	Bộ Y tế	Trung
100	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.000	1.604.064.000	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Bộ Y tế	Trung
101	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.000	1.002.540.000	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Bộ Y tế	Trung
102	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.000	601.524.000	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Bình Định	Trung
103	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	240	48.121.920	52002	Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	Sở Y Tế Bình Định	Trung
104	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	56	11.228.448	52013	Trung tâm y tế huyện Hoài Ân	Sở Y Tế Bình Định	Trung
105	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.000	601.524.000	60001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
106	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.200	1.042.641.600	48065	Bệnh viện 199 - Bộ Công An	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
107	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.800	962.438.400	48003	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HẢI CHÂU	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
108	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.760	553.402.080	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
109	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.176	235.797.408	48006	Bệnh viện Quân Y 17 – Cục Hậu cần – QK5	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
110	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	560	112.284.480	48008	Trung tâm y tế quận Liên Chiểu	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
111	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	552	110.680.416	48012	Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
112	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	7.050	1.413.581.400	66069	Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
113	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.400	882.235.200	66001	Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
114	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.400	481.219.200	66004	Trung tâm Y tế huyện Krông Pắc	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
115	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	66220	Bệnh viện đa khoa TX Buôn Hồ	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
116	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	600	120.304.800	66022	Bệnh viện đa khoa khu vực 333	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trù	Đơn vị quản lý	Miền
117	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	400	80.203.200	66024	Bệnh viện Đa khoa - Công an tỉnh Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
118	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.420	284.721.360	67014	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
119	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	144	28.873.152	67072	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
120	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	80	16.040.640	67074	Trung tâm Y tế H.Tuy Đức	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
121	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	600	120.304.800	64020	Bệnh viện Quân Y 211	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
122	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.709	543.176.172	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
123	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	42001	Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
124	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	42002	Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
125	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	42014	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
126	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	56012	Bệnh viện quân y 87	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
127	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	56197	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn Nha Trang	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
128	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	570	114.289.560	56177	Bệnh viện 22-12	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
129	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	880	176.447.040	62127	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Sở Y Tế Kon Tum	Trung
130	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Sở Y Tế Kon Tum	Trung
131	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	389	77.997.612	62160	Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An	Sở Y Tế Kon Tum	Trung
132	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	30.400	6.095.443.200	68001	Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
133	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	26.290	5.271.355.320	68650	Bệnh viện II Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
134	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	68002	Bệnh viện Y Học Cổ Truyền Phạm Ngọc Thạch-Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
135	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	68580	Trung tâm y tế huyện Di Linh	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
136	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.700	340.863.600	68510	Trung tâm y tế huyện Lâm Hà	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
137	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.100	220.558.800	68370	Trung tâm y tế huyện Đơn Dương	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
138	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	68440	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
139	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	440	88.223.520	68003	Trung tâm Y tế Đà Lạt	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
140	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	210	42.106.680	68038	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hoàn Mỹ	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
141	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.000	1.604.064.000	40005	Bệnh viện đa khoa Đô Lương	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
142	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.164	1.235.931.312	40574	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Vinh	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
143	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	40065	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
144	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	40573	Bệnh viện đa khoa Quang Khôi (Công ty TNHH Y tế Hoàng Mai)	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
145	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.000	601.524.000	40001	Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
146	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.709	543.176.172	40004	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
147	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.400	481.219.200	40019	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
148	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.569	314.597.052	40010	Trung tâm y tế huyện Anh Sơn	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
149	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	600	120.304.800	40.026	Bệnh viện Quân y 4/ Cục Hậu Cần/ Quân khu 4	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
150	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	500	100.254.000	40020	Trung tâm y tế Thị xã Cửa Lò	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
151	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	200	40.101.600	40027	Bệnh viện giao thông vận tải Vinh	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
152	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.000	601.524.000	58001	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	Sở Y Tế Ninh Thuận	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trù	Đơn vị quản lý	Miền
153	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.500	300.762.000	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
154	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	44008	Bệnh viện đa khoa thành phố Đồng Hới	Sở Y Tế Quảng Bình	Trung
155	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	49004	Bệnh viện đa khoa KVMN phía Bắc Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
156	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.920	384.975.360	49176	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương - Tam Kỳ - Công ty CP Y khoa Thái Bình Dương	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
157	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.600	320.812.800	49005	Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
158	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	40	8.020.320	49009	Trung tâm Y tế huyện Thăng Bình	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
159	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.150	230.584.200	51002	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
160	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	51214	Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
161	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	900	180.457.200	51010	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
162	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	700	140.355.600	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
163	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	880	176.447.040	45012	Phòng Quản lý sức khỏe cán bộ	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
164	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	16.000	3.208.128.000	38001	Bệnh viện nội tiết Thanh Hoá	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
165	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.500	1.704.318.000	38280	Bệnh viện đa khoa Tĩnh	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
166	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
167	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.200	641.625.600	38010	Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
168	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.992	599.919.936	38289	Bệnh viện đa khoa Hợp Lực	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
169	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	38160	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
170	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.800	360.914.400	38070	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
171	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.600	320.812.800	38210	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
172	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
173	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.190	238.604.520	38090	Bệnh viện đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
174	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
175	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	960	192.487.680	38230	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
176	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	920	184.467.360	38733	Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
177	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	38250	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
178	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	38130	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
179	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
180	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	480	96.243.840	38140	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
181	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	276	55.340.208	38742	Bệnh viện Công An Thanh Hoá	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
182	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	240	48.121.920	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
183	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	120	24.060.960	38050	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
184	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	30.000	6.015.240.000	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
185	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	46005	Bệnh viện Quân y 268	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
186	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.300	260.660.400	46003	Bệnh viện giao thông vận tải Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
187	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	46114	Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
188	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	46162	Trung tâm y tế huyện A Lưới	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trù	Đơn vị quản lý	Miền
189	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	312	62.558.496	46074	Bệnh viện đa khoa Bình Điền	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
190	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	90.000	18.045.720.000	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	Bộ Y tế	Nam
191	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	53.140	10.654.995.120	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Y tế	Nam
192	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	27.000	5.413.716.000	79025	Bệnh viện Thống Nhất	Bộ Y tế	Nam
193	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.500	1.704.318.000	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
194	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.200	641.625.600	92000	Bệnh viện đa khoa Trung Ương Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
195	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	7.760	1.555.942.080	89015	Bệnh viện Tim Mạch An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
196	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.400	882.235.200	89004	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	Sở Y Tế An Giang	Nam
197	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.291	659.871.828	89012	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
198	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.232	648.041.856	89013	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
199	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.005	602.526.540	89338	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Nhật Tân	Sở Y Tế An Giang	Nam
200	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.601	521.521.308	89011	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	Sở Y Tế An Giang	Nam
201	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	89001	Trung tâm y tế TP. Long Xuyên	Sở Y Tế An Giang	Nam
202	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	44.000	8.822.352.000	77001	Bệnh viện Vũng Tàu	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
203	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	22.500	4.511.430.000	77003	Bệnh viện Bà Rịa	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
204	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	9.040	1.812.592.320	77004	TTYT thành phố Vũng Tàu	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
205	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.360	673.706.880	77010	Trung tâm y tế TP Bà Rịa	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
206	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.000	601.524.000	77008	TTYT Châu Đức	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
207	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.500	501.270.000	77006	TTYT Xuyên Mộc	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
208	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.400	481.219.200	77007	TTYT Phú Mỹ	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
209	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	77005	TTYT Long Điền	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
210	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	16	3.208.128	77123	Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
211	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.000	1.203.048.000	95078	Chi nhánh Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic Bạc Liêu	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
212	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	95033	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
213	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	750	150.381.000	95077	Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Bạc Liêu	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
214	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	400	80.203.200	95076	Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
215	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	9.200	1.844.673.600	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Sở Y Tế Bến Tre	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
216	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.000	1.604.064.000	83300	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
217	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.500	1.102.794.000	83500	Trung tâm Y tế huyện Giồng Trôm	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
218	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.960	794.011.680	83700	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
219	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	520	104.264.160	83400	Trung tâm Y tế huyện Chợ Lách	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
220	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	88.920	17.829.171.360	74024	Công ty TNHH BVĐK Hoàn Hảo	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
221	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	80.000	16.040.640.000	74001	Bệnh viện đa khoa	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
222	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	46.000	9.223.368.000	74039	Trung tâm Y tế thành phố Thuận An	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
223	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	28.000	5.614.224.000	74175	Công ty CP bệnh viện Vạn Phúc	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
224	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	16.000	3.208.128.000	74174	Công ty TNHH BVĐK TN Bình Dương	Sở Y Tế Bình Dương	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
225	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	15.600	3.127.924.800	74147	Công ty cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
226	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	12.000	2.406.096.000	74183	Chi Nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn Phúc - Bệnh viện đa khoa Vạn Phúc 2	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
227	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	10.000	2.005.080.000	74182	Chi Nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn Phúc - Phòng Khám Đa Khoa Vạn Phúc 1	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
228	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	9.600	1.924.876.800	74193	Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Medic Bình Dương	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
229	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.400	1.684.267.200	74115	Bệnh viện ĐK Cao su Dầu Tiếng	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
230	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.388	1.681.861.104	74152	Chi nhánh II - Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Hoàn Hảo Thuận An	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
231	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.372	1.277.636.976	74172	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA HOÀN HẢO IV	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
232	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.050	210.533.400	74215	Bệnh viện Quốc tế Perfect chi nhánh 4	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
233	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	160	32.081.280	74066	Trung tâm Y tế thị xã Tân Uyên	Sở Y Tế Bình Dương	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
234	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	15.000	3.007.620.000	70080	Ban Bảo Vệ Chăm Sóc Sức Khỏe	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
235	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	70001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
236	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.400	481.219.200	70008	Bệnh viện đa khoa huyện Chơn Thành	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
237	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	70006	Trung tâm Y tế huyện Lộc Ninh	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
238	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.000	1.604.064.000	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
239	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.400	1.283.251.200	96025	Bệnh viện đa khoa Đầm Dơi	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
240	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.280	256.650.240	96066	Trung tâm y tế huyện Phú Tân	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
241	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	66.640	13.361.853.120	75001	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
242	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	12.200	2.446.197.600	75421	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐỒNG NAI -2	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
243	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	9.400	1.884.775.200	75009	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
244	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.600	1.323.352.800	75263	Công ty CP BVQT Đồng Nai- Chi nhánh công ty CPQT Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
245	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.359	1.275.030.372	75012	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
246	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.200	1.042.641.600	75011	Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
247	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	100	20.050.800	75266	Công ty CP BVQT Chấn thương chỉnh hình Sài Gòn-Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
248	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.000	601.524.000	87174	Công ty Cổ phần BVĐK Tâm Trí Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
249	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	87005	Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
250	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	93016	Bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy	Sở Y Tế Hậu Giang	Nam
251	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.240	248.629.920	93002	Trung tâm Y tế huyện Vị Thủy	Sở Y Tế Hậu Giang	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trù	Đơn vị quản lý	Miễn
252	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	960	192.487.680	93003	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Sở Y Tế Hậu Giang	Nam
253	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	80	16.040.640	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
254	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	7.200	1.443.657.600	80004	Trung tâm y tế huyện Bến Lức	Sở Y Tế Long An	Nam
255	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.450	691.752.600	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	Sở Y Tế Long An	Nam
256	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.000	200.508.000	80263	BỆNH VIỆN SẢN NHI TWG LONG AN	Sở Y Tế Long An	Nam
257	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	138	27.670.104	94170	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu - Sóc Trăng	Sở Y Tế Sóc Trăng	Nam
258	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	19.000	3.809.652.000	72010	Bệnh viện đa khoa Tây Ninh	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
259	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	18.711	3.751.705.188	72130	Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á - Tây Ninh	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
260	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	9.000	1.804.572.000	72122	Bệnh viện đa khoa tư nhân Lê Ngọc Tùng	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trù	Đơn vị quản lý	Miền
261	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.000	1.604.064.000	72003	Trung tâm y tế Gò Dầu	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
262	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.520	1.106.804.160	72131	Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
263	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.500	701.778.000	72002	Trung tâm y tế Hòa Thành	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
264	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	72001	Trung tâm y tế Thành phố Tây Ninh	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
265	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	20.700	4.150.515.600	92004	Bệnh viện đa khoa Thành phố Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
266	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	19.000	3.809.652.000	92010	BV đa khoa Quận Thốt Nốt	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
267	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.000	802.032.000	92007	Bệnh viện đa khoa Quận Ô Môn	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
268	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.860	573.452.880	92088	Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
269	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	800	160.406.400	92001	Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
270	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	160	32.081.280	92114	Chi nhánh công ty CP đầu tư và thương mại Phương Châu bệnh viện quốc tế Phương Châu	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
271	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.580	1.319.342.640	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang	Sở Y Tế Tiền Giang	Nam
272	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	430	86.218.440	82003	Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy	Sở Y Tế Tiền Giang	Nam
273	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	112.000	22.456.896.000	79024	Bệnh viện Nhân Dân 115	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
274	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	80.000	16.040.640.000	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
275	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	27.000	5.413.716.000	79054	Bệnh viện Quận Tân Phú	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
276	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	22.800	4.571.582.400	79039	Bệnh viện huyện Củ Chi	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
277	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	22.472	4.505.815.776	79032	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
278	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	21.200	4.250.769.600	79055	Bệnh viện Quận Bình Tân	Sở Y Tế TP. HCM	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
279	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	20.000	4.010.160.000	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
280	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	20.000	4.010.160.000	79009	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN 3	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
281	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	19.500	3.909.906.000	79031	Bệnh viện Quận Bình Thạnh	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
282	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	16.560	3.320.412.480	79013	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
283	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	16.560	3.320.412.480	79075	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
284	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	16.000	3.208.128.000	BHoCh	BAN BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE CÁN BỘ TP. HỒ CHÍ MINH	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
285	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	15.000	3.007.620.000	79012	Bệnh viện An Bình	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
286	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	11.200	2.245.689.600	79010	Bệnh viện Quận 4	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
287	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	10.400	2.085.283.200	79026	Bệnh viện Trưng Vương	Sở Y Tế TP. HCM	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
288	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.000	1.604.064.000	79019	Bệnh viện Quận 7	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
289	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	8.000	1.604.064.000	79001	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
290	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	7.200	1.443.657.600	79021	Bệnh viện Quận 8	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
291	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	6.000	1.203.048.000	79036	Bệnh viện khu vực Thủ Đức	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
292	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.520	1.106.804.160	79035	Bệnh viện Quận Gò Vấp	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
293	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.014	1.005.347.112	79443	Viện Tim Tp Hồ Chí Minh	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
294	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	5.000	1.002.540.000	79041	Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
295	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	4.800	962.438.400	79028	Bệnh viện Quận 11	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
296	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.640	529.341.120	79020	Bệnh viện Phục hồi Chức năng – Điều trị bệnh nghề nghiệp	Sở Y Tế TP. HCM	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
297	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.500	501.270.000	79033	Bệnh viện Quận Tân Bình	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
298	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.400	481.219.200	79029	Bệnh viện Quận 12	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
299	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.300	461.168.400	79023	Bệnh viện đa khoa Bưu Điện - Cơ sở I	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
300	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	79011	Bệnh viện 30-4	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
301	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	704	141.157.632	79017	Bệnh viện Quận 6	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
302	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	640	128.325.120	79051	Bệnh viện Quận 1 - Cơ sở 1	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
303	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	250	50.127.000	79414	Bệnh viện Từ Dũ	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
304	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	240	48.121.920	79076	Bệnh viện giao thông vận tải Tp HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
305	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	115	23.058.420	79394	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	Sở Y Tế TP. HCM	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miền
306	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	80	16.040.640	79422	Bệnh viện Tai Mũi Họng	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
307	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	70	14.035.560	79397	Bệnh viện Bình Dân	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
308	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	15.040	3.015.640.320	79058	Bệnh Viện Đa Khoa Tư Nhân Triều An	Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh - Khối cơ sở y tế tư nhân	Nam
309	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	3.127	626.988.516	79439	Bệnh Viện Tim Tâm Đức	Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh - Khối cơ sở y tế tư nhân	Nam
310	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	457	91.632.156	79516	Bệnh viện đa khoa Tân Hưng	Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh - Khối cơ sở y tế tư nhân	Nam
311	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.601	521.521.308	84007	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang	Sở Y Tế Trà Vinh	Nam
312	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.601	521.521.308	84005	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần	Sở Y Tế Trà Vinh	Nam
313	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.601	521.521.308	86019	Trung Tâm Y tế huyện Mang Thít	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
314	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.601	521.521.308	86032	Trung tâm y tế thị xã Bình Minh	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Số lượng	Thành tiền (VND)	Mã CSYT	Đơn vị dự trữ	Đơn vị quản lý	Miễn
315	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	2.000	401.016.000	86134	Trung Tâm Y Tế huyện Bình Tân	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
316	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	1.200	240.609.600	86006	Trung tâm y tế huyện Long Hồ	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
317	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/ 1ml	Bút tiêm	200.508	400	80.203.200	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
Tổng cộng:		317 khoản				2.218.049	444.736.568.892				

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TBYS HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 34-2023CV/HPC-KDXNK
V/v: Phúc đáp thư chấp thuận HSDX và trao TTK số
802/TTMS-NVD - ĐPG.BDG.04.2021)

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (TTMS)

Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYS Hà Nội (Hapharco) xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYS Hà Nội đã tham dự **Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.04.2021)** do Quý Trung tâm tổ chức và nhận được thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 802/TTMS-NVD ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

Bằng văn bản này, Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYS Hà Nội xin phúc đáp đến Quý Trung tâm các nội dung theo yêu cầu của Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 802/TTMS-NVD như sau:

1. Chấp thuận điều chỉnh số lượng thuốc trúng thầu theo như đề nghị tại các phụ lục của Thư chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 802/TTMS-NVD ngày 28 tháng 12 năm 2022.
2. Chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết Thỏa thuận khung và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

Thông tin đầu mối liên lạc ký kết hợp đồng và cung ứng hàng hóa cho các cơ sở y tế:

Gói thầu trúng thầu	Phân công đảm nhiệm ký kết hợp đồng và cung ứng hàng hóa
Gói thầu: 4 Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.04.2021)	1. Đối với các cơ sở y tế tại khu vực Miền Bắc và Miền Trung (từ Gia Lai, Bình Định trở ra các thành phố và các tỉnh phía Bắc): Đầu mối liên hệ về việc ký hợp đồng và cung ứng hàng hóa: Nguyễn Hoài Thu - 0374532675
	2. Đối với các cơ sở y tế thuộc các tỉnh còn lại: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội phân công cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội thực hiện việc: - Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. - Ký hợp đồng. - Ký phụ lục hợp đồng, thanh lý hợp đồng, biên bản bàn giao, nghiệm thu, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và các văn bản liên quan đến hợp đồng. - Xuất hóa đơn, ký phát hành hóa đơn, cung ứng hàng, thu tiền hàng. - Được sử dụng con dấu của Chi nhánh công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội thực hiện các công việc nêu trên. 2.1 Thông tin chi nhánh: - Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI - Địa chỉ: 27B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Số điện thoại: 028. 38160348/ 38165349 - Mã số thuế : 0100109699 – 032 - Email: contract1@hapharco.com.vn - Người đại diện ký hợp đồng: Ông NGUYỄN TẮT THẮNG - Chức vụ: Giám Đốc Chi nhánh - Số Giấy ủy quyền: 54/2022/UQ-TGD ngày 04/11/2022, hiệu lực đến 30/06/2025 2.2 Đầu mối liên hệ về việc ký hợp đồng và cung ứng hàng hóa tại các tỉnh còn lại: Đoàn Thị Mỹ Hà - 0938975579

3. Chúng tôi cam kết năng lực hiện tại hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ đề xuất.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TBYT HÀ NỘI

Tổng giám đốc



Đinh Văn Đông



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI**
Số: 54 /2022/UQ-TGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH14 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội;
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty CP Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội ("Công ty").

Hôm nay, chúng tôi gồm những người có tên dưới đây:

BÊN ỦY QUYỀN : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

Đại diện : Ông ĐINH VĂN ĐÔNG

CCCD số : 008069006868 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/7/2022

Chức vụ : Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội

Địa chỉ công ty : Số 02 Hàng Bài, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
(Sau đây gọi là "**Bên A**")

và

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI**

Đại diện : Ông NGUYỄN TẮT THẮNG

CCCD số : 001064020614 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
cấp ngày 12/4/2021

Chức vụ : Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội

Địa chỉ chi nhánh : Số 27B Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(Sau đây gọi là "**Bên B**")

Bằng văn bản này, Bên A ủy quyền cho Bên B và Bên B đồng ý nhận ủy quyền làm đại diện và thay mặt Bên A thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia ký kết hợp đồng kinh tế với một số cơ sở y tế được phân bổ thuộc gói thầu **Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: ĐPG.BDG.04.2021)** do Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia làm bên mời thầu:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
- Ký hợp đồng.
- Ký phụ lục hợp đồng, thanh lý hợp đồng, biên bản bàn giao, nghiệm thu, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và các văn bản liên quan đến hợp đồng;
- Xuất hóa đơn, ký phát hành hóa đơn, cung ứng hàng, thu tiền hàng;
- Được sử dụng con dấu của Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội thực hiện các công việc nêu trên.

ĐIỀU 2: PHẠM VI ỦY QUYỀN

Ông Nguyễn Tất Thắng chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội, đối với các cơ sở y tế tại các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ông Nguyễn Tất Thắng thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 04/11/2022 đến hết ngày 30/06/2025.

Giấy ủy quyền này được lập thành ba bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ một bản, người được ủy quyền giữ một bản, Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia giữ một bản.

**CHI NHÁNH CÔNG TY CP
DƯỢC PHẨM TBYT HÀ NỘI**

Giám đốc Chi nhánh



NGUYỄN TẤT THẮNG

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
TBYT HÀ NỘI**

Tổng giám đốc



ĐÌNH VĂN ĐÔNG

SBG 229770

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2023

THƯ BẢO LÃNH**THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG****Kính gửi: CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN KÝ HỢP ĐỒNG VÀ THỤ HƯỞNG BẢO LÃNH
(THEO DANH SÁCH PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM)**

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu “**Gói thầu 4: Cung cấp thuốc biệt dược gốc chứa Insulin và điều trị tiểu đường thuộc danh mục đàm phán giá năm 2021 (Mã hiệu: DPG.BDG.04.2021)**” và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho các cơ sở y tế bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch có trụ sở đăng ký tại Một phần Tầng 1 Tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là **13.342.098.040 VNĐ (Bằng chữ: Mười ba tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi đồng)**. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang cho các cơ sở y tế trong phụ lục bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn **13.342.098.040 VNĐ (Bằng chữ: Mười ba tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu không trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi đồng)** như đã nêu trên, khi có văn bản của cơ sở y tế trong phụ lục thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày 12/01/2023 cho đến hết ngày 11/02/2025.

Bên nhận bảo lãnh có thể xác thực mọi thông tin về Thư bảo lãnh này bằng cách:

- Nhắn tin theo cú pháp **SB BL <Số seri thư bảo lãnh>** đến số **6089**;
- Gọi điện về tổng đài của SeABank số **1900 555 587**;
- Gửi công văn đề nghị xác thực bảo lãnh về Vận hành Khách hàng Doanh nghiệp Lớn – Chi nhánh Sở Giao dịch tại địa chỉ: Một phần Tầng 1 Tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. ✱

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
(Ký tên, đóng dấu)**GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH KHDN LỚN**
Nguyễn Quý Dương

syt_binhphuoc_vt_Van thu SYT Binh Phuoc_12/01/2023 10:44:29



www.seabank.com.vn

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á (SEABANK)
Hội sở: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3944 8688 | Fax: (+84 24) 3944 9038
Email: contact@seabank.com.vn



PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ Y TẾ THỤ HƯỞNG
BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số SBG229770 ngày 04/01/2023
của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sở Giao dịch)

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
1	01914	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	Hà Nội	33.284.328.000	998.529.840
2	01925	Bệnh viện Lão khoa Trung Ương	Hà Nội	1.563.962.400	46.918.880
3	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	2.205.588.000	66.167.640
4	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Hà Nội	721.828.800	21.654.870
5	19010	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Thái Nguyên	701.778.000	21.053.340
6	01047	Bệnh viện YHCT TW	Hà Nội	401.016.000	12.030.480
7	01915	Bệnh viện Nhi Trung ương	Hà Nội	401.016.000	12.030.480
8	31168	Bệnh viện Đại học y Hải Phòng	Hải Phòng	320.812.800	9.624.390
9	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội	240.609.600	7.218.290
10	01924	Bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương	Hà Nội	200.508.000	6.015.240
11	01007	Bệnh viện E	Hà Nội	160.406.400	4.812.200
12	31142	Viện Y học Biển Việt Nam	Hải Phòng	48.121.920	1.443.660
13	01920	Viện Huyết học - Truyền máu Trung Ương	Hà Nội	30.076.200	902.290
14	19013	Bệnh viện C	Thái Nguyên	765.940.560	22.978.220
15	19009	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	403.622.604	12.108.680
16	19019	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược	Thái Nguyên	401.016.000	12.030.480
17	19001	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	401.016.000	12.030.480
18	19014	Bệnh viện Gang thép Thái Nguyên	Thái Nguyên	266.675.640	8.000.270
19	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	Thái Nguyên	264.670.560	7.940.120
20	19133	Bệnh viện Đa khoa Yên Bình Thái Nguyên	Thái Nguyên	172.236.372	5.167.100
21	24011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	200.508.000	6.015.240
22	24007	Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	172.236.372	5.167.100
23	24006	Trung Tâm Y tế huyện Tân Yên	Bắc Giang	80.203.200	2.406.100
24	24009	Trung tâm Y tế huyện Việt Yên	Bắc Giang	77.797.104	2.333.920
25	06001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn	172.035.864	5.161.080
26	24014	Bệnh viện Quân y 110	Bắc Ninh	320.812.800	9.624.390
27	27025	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	240.609.600	7.218.290
28	27157	Trung tâm y tế huyện Tiên Du	Bắc Ninh	216.548.640	6.496.460
29	27152	Trung tâm y tế huyện Yên Phong	Bắc Ninh	200.508.000	6.015.240
30	27001	Trung tâm y tế thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	120.304.800	3.609.150
31	27004	Trung tâm Y tế Thành phố Từ Sơn	Bắc Ninh	32.081.280	962.440

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
32	04014	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	2.005.080.000	60.152.400
33	35001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Hà Nam	1.764.470.400	52.934.120
34	01919	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hà Nội	3.228.178.800	96.845.370
35	01006	Bệnh viện Thanh Nhàn	Hà Nội	3.007.620.000	90.228.600
36	01031	Bệnh viện đa khoa Đông Anh	Hà Nội	1.142.895.600	34.286.870
37	01043	Bệnh viện 19-8, Bộ Công An	Hà Nội	802.032.000	24.060.960
38	01819	Bệnh viện Quân Y 105	Hà Nội	802.032.000	24.060.960
39	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Hà Nội	802.032.000	24.060.960
40	01029	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì	Hà Nội	802.032.000	24.060.960
41	01161	Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	Hà Nội	641.625.600	19.248.770
42	01828	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	Hà Nội	641.625.600	19.248.770
43	01003	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Hà Nội	478.612.596	14.358.380
44	01010	Công ty cổ phần Bệnh viện giao thông vận tải	Hà Nội	421.066.800	12.632.010
45	01831	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Hà Nội	401.016.000	12.030.480
46	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	401.016.000	12.030.480
47	01056	Bệnh viện đa khoa Hoè Nai	Hà Nội	310.787.400	9.323.630
48	01015	Bệnh viện Quân Y 354	Hà Nội	264.670.560	7.940.120
49	01821	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Xuyên	Hà Nội	250.635.000	7.519.050
50	01062	Bệnh viện Y học cổ truyền Bộ Công an	Hà Nội	220.558.800	6.616.770
51	01824	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	Hà Nội	200.508.000	6.015.240
52	01065	Bệnh viện Dệt May	Hà Nội	158.401.320	4.752.040
53	01055	Bệnh viện Xây dựng	Hà Nội	144.365.760	4.330.980
54	01018	Viện Y học Phòng không - Không quân	Hà Nội	144.365.760	4.330.980
55	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Hà Nội	120.304.800	3.609.150
56	01823	Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	Hà Nội	100.254.000	3.007.620
57	01830	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	Hà Nội	60.152.400	1.804.580
58	01071	Bệnh viện Nam Thăng Long	Hà Nội	48.121.920	1.443.660
59	30301	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hải Dương	Hải Dương	882.235.200	26.467.060
60	30013	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương	Hải Dương	601.524.000	18.045.720
61	30298	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Hải Dương	Hải Dương	403.622.604	12.108.680
62	17001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	1.251.169.920	37.535.100
63	17014	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	Hòa Bình	441.117.600	13.233.530
64	17009	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	Hòa Bình	101.056.032	3.031.690
65	33080	Trung tâm y tế huyện Yên Mỹ	Hưng Yên	501.270.000	15.038.100

Handwritten signature and initials.



STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
66	33013	Trung tâm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	320.812.800	9.624.390
67	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Hưng Yên	240.609.600	7.218.290
68	36022	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	Nam Định	2.726.908.800	81.807.270
69	36025	Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy	Nam Định	1.804.572.000	54.137.160
70	36047	Bệnh viện Nội tiết	Nam Định	842.133.600	25.264.010
71	36016	Trung tâm y tế huyện Nam Trực	Nam Định	641.625.600	19.248.770
72	36017	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	Nam Định	403.622.604	12.108.680
73	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Nam Định	260.660.400	7.819.820
74	36011	Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh	Nam Định	160.406.400	4.812.200
75	36010	Trung tâm y tế huyện Mỹ Lộc	Nam Định	48.121.920	1.443.660
76	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình	144.365.760	4.330.980
77	37101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Ninh Bình	120.304.800	3.609.150
78	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Thọ	100.254.000	3.007.620
79	25329	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hùng Vương	Phú Thọ	72.182.880	2.165.490
80	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Quảng Ninh	120.304.800	3.609.150
81	22150	Bệnh viện Sản Nhi Tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	50.127.000	1.503.810
82	14001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Sơn La	765.940.560	22.978.220
83	34004	Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình	1.628.124.960	48.843.750
84	34311	Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải	Thái Bình	481.219.200	14.436.580
85	34005	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình	403.622.604	12.108.680
86	34314	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Thái Bình	48.121.920	1.443.660
87	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào cai	tỉnh Lào Cai	781.981.200	23.459.440
88	10055	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Lào Cai	tỉnh Lào Cai	400.614.984	12.018.450
89	08101	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	401.016.000	12.030.480
90	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	802.032.000	24.060.960
91	26030	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	Vĩnh Phúc	401.016.000	12.030.480
92	15101	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Yên Bái	336.853.440	10.105.610
93	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	4.523.460.480	135.703.820
94	31006	Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên	Hải Phòng	1.604.064.000	48.121.920
95	31031	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	481.219.200	14.436.580
96	31008	Bệnh viện đa khoa huyện An Lão	Hải Phòng	312.792.480	9.383.780
97	31016	Viện Y học Hải Quân	Hải Phòng	130.330.200	3.909.910
98	46001	Bệnh viện Trung ương Huế	Thừa Thiên Huế	5.012.700.000	150.381.000
99	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới Quảng Bình	Quảng Bình	1.844.673.600	55.340.210
100	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	1.604.064.000	48.121.920

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
101	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng	1.002.540.000	30.076.200
102	52001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bình Định	601.524.000	18.045.720
103	52002	Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	Bình Định	48.121.920	1.443.660
104	52013	Trung tâm y tế huyện Hoài Ân	Bình Định	11.228.448	336.860
105	60001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bình Thuận	601.524.000	18.045.720
106	48065	Bệnh viện 199 - Bộ Công An	Đà Nẵng	1.042.641.600	31.279.250
107	48003	Trung tâm y tế quận Hải Châu	Đà Nẵng	962.438.400	28.873.160
108	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng	553.402.080	16.602.070
109	48006	Bệnh viện Quân Y 17 – Cục Hậu cần – QK5	Đà Nẵng	235.797.408	7.073.930
110	48008	Trung tâm y tế quận Liên Chiểu	Đà Nẵng	112.284.480	3.368.540
111	48012	Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu	Đà Nẵng	110.680.416	3.320.420
112	66069	Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên	Đắk Lắk	1.413.581.400	42.407.450
113	66001	Bệnh viện đa khoa Vùng Tây Nguyên	Đắk Lắk	882.235.200	26.467.060
114	66004	Trung tâm Y tế huyện Krông Pắc	Đắk Lắk	481.219.200	14.436.580
115	66220	Bệnh viện đa khoa TX Buôn Hồ	Đắk Lắk	401.016.000	12.030.480
116	66022	Bệnh viện đa khoa khu vực 333	Đắk Lắk	120.304.800	3.609.150
117	66024	Bệnh viện Đa khoa - Công an tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	80.203.200	2.406.100
118	67014	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Đắk Nông	284.721.360	8.541.650
119	67072	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	28.873.152	866.200
120	67074	Trung tâm Y tế H.Tuy Đức	Đắk Nông	16.040.640	481.220
121	64020	Bệnh viện Quân Y 211	Gia Lai	120.304.800	3.609.150
122	42012	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	543.176.172	16.295.290
123	42001	Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	401.016.000	12.030.480
124	42002	Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	160.406.400	4.812.200
125	42014	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	160.406.400	4.812.200
126	56012	Bệnh viện quân y 87	Khánh Hòa	240.609.600	7.218.290
127	56197	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn Nha Trang	Khánh Hòa	160.406.400	4.812.200
128	56177	Bệnh viện 22-12	Khánh Hòa	114.289.560	3.428.690
129	62127	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Kon Tum	176.447.040	5.293.420
130	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	160.406.400	4.812.200
131	62160	Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An	Kon Tum	77.997.612	2.339.930
132	68001	Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng	Lâm Đồng	6.095.443.200	182.863.300
133	68650	Bệnh viện II Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.271.355.320	158.140.660
134	68002	Bệnh viện Y Học Cổ Truyền Phạm Ngọc Thạch-Lâm Đồng	Lâm Đồng	401.016.000	12.030.480
135	68580	Trung tâm y tế huyện Di Linh	Lâm Đồng	401.016.000	12.030.480



SeABank

Kết nối giá trị cuộc sống

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
136	68510	Trung tâm y tế huyện Lâm Hà	Lâm Đồng	340.863.600	10.225.910
137	68370	Trung tâm y tế huyện Đơn Dương	Lâm Đồng	220.558.800	6.616.770
138	68440	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	200.508.000	6.015.240
139	68003	Trung tâm Y tế Đà Lạt	Lâm Đồng	88.223.520	2.646.710
140	68038	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hoàn Mỹ	Lâm Đồng	42.106.680	1.263.210
141	40005	Bệnh viện đa khoa Đô Lương	Nghệ An	1.604.064.000	48.121.920
142	40574	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Vinh	Nghệ An	1.235.931.312	37.077.940
143	40065	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An	Nghệ An	802.032.000	24.060.960
144	40573	Bệnh viện đa khoa Quang Khởi (Công ty TNHH Y tế Hoàng Mai)	Nghệ An	802.032.000	24.060.960
145	40001	Bệnh viện Hữu Nghị đa khoa Nghệ An	Nghệ An	601.524.000	18.045.720
146	40004	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	Nghệ An	543.176.172	16.295.290
147	40019	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Nghệ An	481.219.200	14.436.580
148	40010	Trung tâm y tế huyện Anh Sơn	Nghệ An	314.597.052	9.437.920
149	40026	Bệnh viện Quân y 4/ Cục Hậu Cần/ Quân khu 4	Nghệ An	120.304.800	3.609.150
150	40020	Trung tâm y tế Thị xã Cửa Lò	Nghệ An	100.254.000	3.007.620
151	40027	Bệnh viện giao thông vận tải Vinh	Nghệ An	40.101.600	1.203.050
152	58001	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	601.524.000	18.045.720
153	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Phú Yên	300.762.000	9.022.860
154	44008	Bệnh viện đa khoa thành phố Đồng Hới	Quảng Bình	401.016.000	12.030.480
155	49004	Bệnh viện đa khoa KVMN phía Bắc Quảng Nam	Quảng Nam	401.016.000	12.030.480
156	49176	Bệnh viện đa khoa Thái Bình Dương - Tam Kỳ - Công ty CP Y khoa Thái Bình Dương	Quảng Nam	384.975.360	11.549.270
157	49005	Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam	Quảng Nam	320.812.800	9.624.390
158	49009	Trung tâm Y tế huyện Thăng Bình	Quảng Nam	8.020.320	240.610
159	51002	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	Quảng Ngãi	230.584.200	6.917.530
160	51214	Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	200.508.000	6.015.240
161	51010	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thuỳ Trâm	Quảng Ngãi	180.457.200	5.413.720
162	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	140.355.600	4.210.670
163	45012	Phòng Quản lý sức khỏe cán bộ	Quảng Trị	176.447.040	5.293.420
164	38001	Bệnh viện nội tiết Thanh Hoá	Thanh Hóa	3.208.128.000	96.243.840
165	38280	Bệnh viện đa khoa Tĩnh	Thanh Hóa	1.704.318.000	51.129.540
166	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	Thanh Hóa	802.032.000	24.060.960
167	38010	Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa	641.625.600	19.248.770
168	38289	Bệnh viện đa khoa Hợp Lực	Thanh Hóa	599.919.936	17.997.600



Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Sở Giao Dịch:

Địa chỉ: Một phần Tầng 1 Tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tel : (024) 39448688

Fax: (024) 39448689

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
169	38160	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống	Thanh Hóa	401.016.000	12.030.480
170	38070	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa	360.914.400	10.827.440
171	38210	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	Thanh Hóa	320.812.800	9.624.390
172	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	Thanh Hóa	240.609.600	7.218.290
173	38090	Bệnh viện đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Thanh Hóa	238.604.520	7.158.140
174	38150	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	Thanh Hóa	200.508.000	6.015.240
175	38230	Bệnh viện đa khoa khu vực Nghi Sơn	Thanh Hóa	192.487.680	5.774.640
176	38733	Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh	Thanh Hóa	184.467.360	5.534.030
177	38250	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	Thanh Hóa	160.406.400	4.812.200
178	38130	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	Thanh Hóa	160.406.400	4.812.200
179	38110	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	Thanh Hóa	160.406.400	4.812.200
180	38140	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Thanh Hóa	96.243.840	2.887.320
181	38742	Bệnh viện Công An Thanh Hoá	Thanh Hóa	55.340.208	1.660.210
182	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa	48.121.920	1.443.660
183	38050	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Thanh Hóa	24.060.960	721.830
184	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Thừa Thiên Huế	6.015.240.000	180.457.200
185	46005	Bệnh viện Quân y 268	Thừa Thiên Huế	401.016.000	12.030.480
186	46003	Bệnh viện giao thông vận tải Huế	Thừa Thiên Huế	260.660.400	7.819.820
187	46114	Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	240.609.600	7.218.290
188	46162	Trung tâm y tế huyện A Lưới	Thừa Thiên Huế	200.508.000	6.015.240
189	46074	Bệnh viện đa khoa Bình Điền	Thừa Thiên Huế	62.558.496	1.876.760
190	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. Hồ Chí Minh	18.045.720.000	541.371.600
191	79431	Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM	TP. Hồ Chí Minh	10.654.995.120	319.649.860
192	79025	Bệnh viện Thống Nhất	TP. Hồ Chí Minh	5.413.716.000	162.411.480
193	92115	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	1.704.318.000	51.129.540
194	92000	Bệnh viện đa khoa Trung Ương Cần Thơ	Cần Thơ	641.625.600	19.248.770
195	89015	Bệnh viện Tim Mạch An Giang	An Giang	1.555.942.080	46.678.270
196	89004	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	An Giang	882.235.200	26.467.060
197	89012	Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang	An Giang	659.871.828	19.796.160
198	89013	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang	An Giang	648.041.856	19.441.260
199	89338	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Nhật Tân	An Giang	602.526.540	18.075.800
200	89011	Trung tâm y tế huyện Thoại Sơn	An Giang	521.521.308	15.645.640
201	89001	Trung tâm y tế TP. Long Xuyên	An Giang	200.508.000	6.015.240
202	77001	Bệnh viện Vũng Tàu	Bà Rịa – Vũng Tàu	8.822.352.000	264.670.560






SeABank

Kết nối giá trị cuộc sống

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
203	77003	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa – Vũng Tàu	4.511.430.000	135.342.900
204	77004	Trung tâm y tế thành phố Vũng Tàu	Bà Rịa – Vũng Tàu	1.812.592.320	54.377.770
205	77010	Trung tâm y tế TP Bà Rịa	Bà Rịa – Vũng Tàu	673.706.880	20.211.210
206	77008	Trung tâm y tế Châu Đức	Bà Rịa – Vũng Tàu	601.524.000	18.045.720
207	77006	Trung tâm y tế Xuyên Mộc	Bà Rịa – Vũng Tàu	501.270.000	15.038.100
208	77007	Trung tâm y tế Phú Mỹ	Bà Rịa – Vũng Tàu	481.219.200	14.436.580
209	77005	Trung tâm y tế Long Điền	Bà Rịa – Vũng Tàu	240.609.600	7.218.290
210	77123	Bệnh viện Phổi Phạm Hữu Chí tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Bà Rịa – Vũng Tàu	3.208.128	96.250
211	95078	Chi nhánh Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic Bạc Liêu	Bạc Liêu	1.203.048.000	36.091.440
212	95033	Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu	Bạc Liêu	160.406.400	4.812.200
213	95077	Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	150.381.000	4.511.430
214	95076	Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic	Bạc Liêu	80.203.200	2.406.100
215	83009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Bến Tre	1.844.673.600	55.340.210
216	83300	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Bến Tre	1.604.064.000	48.121.920
217	83500	Trung tâm Y tế huyện Giồng Trôm	Bến Tre	1.102.794.000	33.083.820
218	83700	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú	Bến Tre	794.011.680	23.820.360
219	83400	Trung tâm Y tế huyện Chợ Lách	Bến Tre	104.264.160	3.127.930
220	74024	Công ty TNHH BVĐK Hoàn Hảo	Bình Dương	17.829.171.360	534.875.150
221	74001	Bệnh viện đa khoa	Bình Dương	16.040.640.000	481.219.200
222	74039	Trung tâm Y tế thành phố Thuận An	Bình Dương	9.223.368.000	276.701.040
223	74175	Công ty CP bệnh viện Vạn Phúc	Bình Dương	5.614.224.000	168.426.720
224	74174	Công ty TNHH BVĐK TN Bình Dương	Bình Dương	3.208.128.000	96.243.840
225	74147	Công ty cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Bình Dương	3.127.924.800	93.837.750
226	74183	Chi Nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Vạn Phúc -Bệnh viện đa khoa Vạn Phúc 2	Bình Dương	2.406.096.000	72.182.880
227	74182	Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Bệnh Viện Vạn Phúc - Phòng Khám Đa Khoa Vạn Phúc 1	Bình Dương	2.005.080.000	60.152.400
228	74193	Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Medic Bình Dương	Bình Dương	1.924.876.800	57.746.310
229	74115	Bệnh viện ĐK Cao su Dầu Tiếng	Bình Dương	1.684.267.200	50.528.020
230	74152	Công ty TNHH BVĐK Hoàn Hảo Thuận An	Bình Dương	1.681.861.104	50.455.840
231	74172	Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo IV	Bình Dương	1.277.636.976	38.329.110
232	74215	Bệnh viện Quốc tế Perfect chi nhánh 4	Bình Dương	210.533.400	6.316.010



Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Sở Giao Dịch:

Địa chỉ: Một phần Tầng 1 Tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tel : (024) 39448688

Fax: (024) 39448689

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
233	74066	Trung tâm Y tế thị xã Tân Uyên	Bình Dương	32.081.280	962.440
234	70080	Ban Bảo Vệ Chăm Sóc Sức Khỏe	Bình Phước	3.007.620.000	90.228.600
235	70001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	802.032.000	24.060.960
236	70008	Bệnh viện đa khoa huyện Chơn Thành	Bình Phước	481.219.200	14.436.580
237	70006	Trung tâm Y tế huyện Lộc Ninh	Bình Phước	200.508.000	6.015.240
238	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Cà Mau	1.604.064.000	48.121.920
239	96025	Bệnh viện đa khoa Đầm Dơi	Cà Mau	1.283.251.200	38.497.540
240	96066	Trung tâm y tế huyện Phú Tân	Cà Mau	256.650.240	7.699.510
241	75001	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Đồng Nai	13.361.853.120	400.855.600
242	75421	Công ty cổ phần Bệnh viện Đồng Nai-2	Đồng Nai	2.446.197.600	73.385.930
243	75009	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh	Đồng Nai	1.884.775.200	56.543.260
244	75263	Công ty CP BVQT Đồng Nai-Chi nhánh công ty CPQT Đồng Nai	Đồng Nai	1.323.352.800	39.700.590
245	75012	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	Đồng Nai	1.275.030.372	38.250.920
246	75011	Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán	Đồng Nai	1.042.641.600	31.279.250
247	75266	Công ty CP BVQT Chấn thương chỉnh hình Sài Gòn-Đồng Nai	Đồng Nai	20.050.800	601.530
248	87174	Công ty Cổ phần BVĐK Tâm Trí Đồng Tháp	Đồng Tháp	601.524.000	18.045.720
249	87005	Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò	Đồng Tháp	160.406.400	4.812.200
250	93016	Bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy	Hậu Giang	401.016.000	12.030.480
251	93002	Trung tâm Y tế huyện Vị Thủy	Hậu Giang	248.629.920	7.458.900
252	93003	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Hậu Giang	192.487.680	5.774.640
253	91010	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận	Kiên Giang	16.040.640	481.220
254	80004	Trung tâm y tế huyện Bến Lức	Long An	1.443.657.600	43.309.730
255	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	Long An	691.752.600	20.752.580
256	80263	Bệnh viện sản nhi TWG Long An	Long An	200.508.000	6.015.240
257	94170	Bệnh viện Quốc tế Phương Châu - Sóc Trăng	Sóc Trăng	27.670.104	830.110
258	72010	Bệnh viện đa khoa Tây Ninh	Tây Ninh	3.809.652.000	114.289.560
259	72130	Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á - Tây Ninh	Tây Ninh	3.751.705.188	112.551.160
260	72122	Bệnh viện đa khoa tư nhân Lê Ngọc Tùng	Tây Ninh	1.804.572.000	54.137.160
261	72003	Trung tâm y tế Gò Dầu	Tây Ninh	1.604.064.000	48.121.920
262	72131	Bệnh viện đa khoa Hồng Hưng	Tây Ninh	1.106.804.160	33.204.130
263	72002	Trung tâm y tế Hòa Thành	Tây Ninh	701.778.000	21.053.340
264	72001	Trung tâm y tế Thành phố Tây Ninh	Tây Ninh	401.016.000	12.030.480
265	92004	Bệnh viện đa khoa Thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	4.150.515.600	124.515.470



SeABank

Kết nối giá trị cuộc sống

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
266	92010	Bệnh viện đa khoa Quận Thốt Nốt	Cần Thơ	3.809.652.000	114.289.560
267	92007	Bệnh viện đa khoa Quận Ô Môn	Cần Thơ	802.032.000	24.060.960
268	92088	Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long	Cần Thơ	573.452.880	17.203.590
269	92001	Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	160.406.400	4.812.200
270	92114	Chi nhánh công ty CP đầu tư và thương mại Phương Châu bệnh viện quốc tế Phương Châu	Cần Thơ	32.081.280	962.440
271	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang	Tiền Giang	1.319.342.640	39.580.280
272	82003	Bệnh viện đa khoa khu vực Cai Lậy	Tiền Giang	86.218.440	2.586.560
273	79024	Bệnh viện Nhân Dân 115	TP. Hồ Chí Minh	22.456.896.000	673.706.880
274	79037	Bệnh viện thành phố Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	16.040.640.000	481.219.200
275	79054	Bệnh viện Quận Tân Phú	TP. Hồ Chí Minh	5.413.716.000	162.411.480
276	79039	Bệnh viện huyện Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	4.571.582.400	137.147.480
277	79032	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	TP. Hồ Chí Minh	4.505.815.776	135.174.480
278	79055	Bệnh viện Quận Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	4.250.769.600	127.523.090
279	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	TP. Hồ Chí Minh	4.010.160.000	120.304.800
280	79009	Trung tâm y tế quận 3	TP. Hồ Chí Minh	4.010.160.000	120.304.800
281	79031	Bệnh viện Quận Bình Thạnh	TP. Hồ Chí Minh	3.909.906.000	117.297.180
282	79013	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. Hồ Chí Minh	3.320.412.480	99.612.380
283	79075	Bệnh viện Lê Văn Thịnh	TP. Hồ Chí Minh	3.320.412.480	99.612.380
284	BHoCh	Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	3.208.128.000	96.243.840
285	79012	Bệnh viện An Bình	TP. Hồ Chí Minh	3.007.620.000	90.228.600
286	79010	Bệnh viện Quận 4	TP. Hồ Chí Minh	2.245.689.600	67.370.690
287	79026	Bệnh viện Trung Vương	TP. Hồ Chí Minh	2.085.283.200	62.558.500
288	79019	Bệnh viện Quận 7	TP. Hồ Chí Minh	1.604.064.000	48.121.920
289	79001	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	1.604.064.000	48.121.920
290	79021	Bệnh viện Quận 8	TP. Hồ Chí Minh	1.443.657.600	43.309.730
291	79036	Bệnh viện khu vực Thủ Đức	TP. Hồ Chí Minh	1.203.048.000	36.091.440
292	79035	Bệnh viện Quận Gò Vấp	TP. Hồ Chí Minh	1.106.804.160	33.204.130
293	79443	Viện Tim Tp Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	1.005.347.112	30.160.420
294	79041	Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn	TP. Hồ Chí Minh	1.002.540.000	30.076.200
295	79028	Bệnh viện Quận 11	TP. Hồ Chí Minh	962.438.400	28.873.160
296	79020	Bệnh viện Phục hồi Chức năng – Điều trị bệnh nghề nghiệp	TP. Hồ Chí Minh	529.341.120	15.880.240
297	79033	Bệnh viện Quận Tân Bình	TP. Hồ Chí Minh	501.270.000	15.038.100
298	79029	Bệnh viện Quận 12	TP. Hồ Chí Minh	481.219.200	14.436.580
299	79023	Bệnh viện đa khoa Bưu Điện - Cơ sở I	TP. Hồ Chí Minh	461.168.400	13.835.060

STT	Mã CSKCB	Tên CSKCB	Tên tỉnh/TP	Giá trị trúng thầu được phân bổ (VND)	Giá trị bảo lãnh (VND)
300	79011	Bệnh viện 30-4	TP. Hồ Chí Minh	240.609.600	7.218.290
301	79017	Bệnh viện Quận 6	TP. Hồ Chí Minh	141.157.632	4.234.730
302	79051	Bệnh viện Quận 1 - Cơ sở 1	TP. Hồ Chí Minh	128.325.120	3.849.760
303	79414	Bệnh viện Từ Dũ	TP. Hồ Chí Minh	50.127.000	1.503.810
304	79076	Bệnh viện giao thông vận tải Tp HCM	TP. Hồ Chí Minh	48.121.920	1.443.660
305	79394	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	TP. Hồ Chí Minh	23.058.420	691.760
306	79422	Bệnh viện Tai Mũi Họng	TP. Hồ Chí Minh	16.040.640	481.220
307	79397	Bệnh viện Bình Dân	TP. Hồ Chí Minh	14.035.560	421.070
308	79058	Bệnh Viện Đa Khoa Tư Nhân Triều An	TP. Hồ Chí Minh	3.015.640.320	90.469.210
309	79439	Bệnh Viện Tim Tâm Đức	TP. Hồ Chí Minh	626.988.516	18.809.660
310	79516	Bệnh viện đa khoa Tân Hưng	TP. Hồ Chí Minh	91.632.156	2.748.970
311	84007	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang	Trà Vinh	521.521.308	15.645.640
312	84005	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần	Trà Vinh	521.521.308	15.645.640
313	86019	Trung Tâm Y tế huyện Mang Thít	Vĩnh Long	521.521.308	15.645.640
314	86032	Trung tâm y tế thị xã Bình Minh	Vĩnh Long	521.521.308	15.645.640
315	86134	Trung Tâm Y Tế huyện Bình Tân	Vĩnh Long	401.016.000	12.030.480
316	86006	Trung tâm y tế huyện Long Hồ	Vĩnh Long	240.609.600	7.218.290
317	86001	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long	Vĩnh Long	80.203.200	2.406.100
		Tổng cộng		444.736.568.892	13.342.098.040